

GẶP NHAU GIỮA THIÊN TÔNG VÀ THIÊN CỦA GIÁO LÝ NGUYÊN THỦY

(Trích: "Thiền nguyên Thủy và Thiền Phát triển", Thiền Viện Vạn Hạnh, Sài Gòn 1994)

Tất cả chúng ta đều đồng ý là, pháp tu của Đạo Phật, dù phương tiện có thể khác song cứu cánh phải gặp nhau. Nếu hai pháp tu mà phương tiện và cứu cánh đều khác biệt nhau thì, pháp này là Đạo Phật, pháp kia hẳn không phải Đạo Phật. Phật giáo Việt Nam đã mang sẵn hai pháp tu Thiền: Thiền Tông và Thiền Nguyên Thủy. Vậy sự gặp gỡ nhau như thế nào? Đây là mục tiêu chúng ta phải nghiên cứu. Theo thiền kiến chúng tôi thấy có những điểm gặp nhau, như dưới đây:

A. CHỦ ĐÍCH BAN ĐẦU GẶP NHAU.

Thiền Tông và Thiền Nguyên Thủy đều thừa nhận đức Phật Thích Ca là Giáo Chủ, đồng kính thờ Ngài. Đậm nét nhất là mục đích xuất gia khi Ngài còn làm Thái Tử. Sau khi dạo bốn cửa thành, hình ảnh sanh già bệnh chết đã đập mạnh vào mắt Ngài, đã in sâu vào tâm não Ngài, sự bất lực của con người với luật vô thường, khiến Ngài phải băn khoăn thắc mắc. Ngài cương quyết tìm phương pháp giải thoát sanh già bệnh chết. Đây là vấn đề không tiền khoáng hậu, mà Ngài tự đặt ra cho mình. Từ đây, "phương pháp giải thoát sanh già bệnh chết" là vấn đề bức xúc nhất, thúc bách Ngài phải tìm phương giải quyết. Chính là động cơ chủ yếu thôi thúc Ngài vượt thành xuất gia. Sau khi xuất gia, Ngài gặp các Đạo Sĩ dạy tu Thiền định, cho đến cái định cuối cùng là Phi tướng phi phi tướng, song vẫn chưa giải quyết hoàn hảo Ngài cu r mang từ buổi ban đầu. Ngài từ giã họ, rồi bao nhiêu năm dò dẫm săn tìm, đến phút giây quyết định là đêm thứ 49, Ngài ngồi dưới cội Bồ Đề được giác ngộ viên mãn. Đến đây, Ngài đã thấy tường tận manh mối trói buộc lôi kéo chúng sanh vào đường sanh tử và biết rành rẽ phương pháp diệt trừ cắt đứt mọi mối dây trói buộc giải thoát sanh tử. Bài pháp Tứ Đế Ngài giảng đầu tiên tại vườn Lộc Uyển đủ minh chứng điều này. Thế là Ngài giải quyết xong vấn đề ô m áp từ thuở ban sơ, tuyên bố thành Phật.

Thiền Tông nhắm thẳng mục đích ấy, thực hiện theo sở hành của Phật mà không hoàn toàn theo lời dạy của Phật. Lấy phương châm "Giải thoát sanh tử" làm kim chỉ nam. Đặt vấn đề "Làm sao giải thoát sanh tử?" làm công án, trăn trở thao thức nghiền ngẫm mãi vấn đề này, đến bao giờ vỡ tung mới thôi. Phải đạt đến cứu cánh thành Phật là mục tiêu cuối cùng. Vì thế, Tổ Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) đồng dạy tuyên bố: "Giáo ngoại biệt truyền bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật". Lấy "Giải thoát sanh tử" làm chủ đề, đặt nghi vấn làm phương tiện tu, do dùi mài hun đúc mãi vấn đề này, khiến mọi tâm niệm lăng xăng tự phải dừng lại, đến khi thuần thực chín muồi vấn đề nổ tung là giác ngộ "giải thoát sanh tử". Chỗ này rất thích hợp với các nhà khoa học xưa nay, bởi nghi vấn nên tìm tòi nghiên cứu đến lúc chín muồi liền phát minh. Có khi vấn đề đặt ra chìm ngâm trong tiềm thức, như mạch nước chảy ngầm dưới đất, nhờ công phu thiền định đến mức tột cùng, bỗng dung phát sáng, thấy rõ vấn đề mình ôm ấp từ trước, như nhờ đào sâu xoi thủng trúng mạch thì dòng nước vọt lên. Chính đây là hướng thực hành của Thái Tử Tất Đạt Đa thuở xưa.

Thiền Nguyên Thủy cũng nhằm mục đích giải thoát sanh tử. Phương tiện tiến tu dôn hết tư tưởng vào một đề mục, đi sâu mãi cho đến chứng sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, bước sang tam minh, cuối cùng giác ngộ "giải thoát sanh tử", cụ thể bằng thấy rõ Tứ Đế. Như đoạn kinh Phật dạy:

"Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là sự diệt khổ", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến diệt khổ", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là đoạn trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc". Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã

giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa " (Trung bộ I., 278-279)

B. GIỚI ĐỊNH TUỆ GẶP NHAU.

Thiền Tông đặt giới luật lên trên, cụ thể là Lục Tổ Huệ Năng ngộ đạo rồi vẫn thọ giới, sau mới hoằng hóa.

Thiền Tông ứng dụng theo hai lối tu:

- 1) Đặt nghi vấn để theo dõi
- 2) Nhìn lại mình, không theo vọng tưởng.

Đặt nghi vấn để theo dõi là khán Công Án hay Thoại Đầu. Khi theo dõi công án, mọi niệm lự dễ dừng lặng. Như khi ta đang thắc mắc về một vấn đề quan trọng thì mọi suy nghĩ khác đều tan. Dồn hết tâm tư trong một công án thì đối với dục lạc thế gian ta sẽ lơ là, giới luật đã nằm sẵn ở đây. Giống như nhiều nhà khoa học khi mải mê nghiên cứu một đề tài gì có lúc quên cả vợ con, ăn uống. Khi vấn đề đã thành khối thì ý thức chết lịm trong ấy, đây là Định. Đến lúc chín muồi gặp duyên khối nghi tan vỡ, là thấu suốt được vấn đề mình bao năm theo dõi, gọi là ngộ đạo. Tức là giác ngộ mục đích mình tìm kiếm, đây là Huệ. Hầu hết những vấn đề đặt ra đều tối quan trọng như: Thế nào là Phật? Thế nào là Đại ý Phật Pháp? Thế nào là Kiến tánh thành Phật? Thế nào là ý Tổ Sư từ Tây sang?

Nhìn lại mình "Không theo vọng tưởng" gọi là "Phản quan tự kỷ", cũng gọi "Hồi quan phản chiếu", dùng trí quán sát tâm tư của mình. Mọi người đều nhận ý nghĩ lăng xăng là tâm mình, chạy theo nó tạo nghiệp không cùng. Ở đây hành giả trong mọi oai nghi tỉnh táo quán sát tâm niệm mình, "Thấy nó không theo", hoặc tìm xem nó phát xuất từ chỗ nào? Không theo thì nó lặng, tìm lại thì nó mất. Vận dụng trí tuệ quán sát thường xuyên khiến vọng tưởng không có cơ hội dong chạy, là giữ Giới. Vọng tưởng cùng đường không lối thoát, buộc chúng phải lặng yên là Định. Vọng tưởng đã sạch, trí tuệ hiện tiền là Huệ. Chỗ này Thiền Sư Hoài Hải (724-814) nói: "Tâm địa nhược không, huệ nhật tự chiếu". Đất tâm nếu không, mặt trời trí tuệ tự sáng. Lối tu này xuất phát từ Tổ Đạt Ma chỉ dạy Ngài Huệ Khả. Huệ Khả hỏi: "Tâm con không an, xin thầy dạy pháp an tâm". Tổ Đạt Ma bảo: "Đem

tâm ta an cho". Huệ Khả sửng sốt tìm tâm không được, thưa: "Con tìm tâm không được". Tổ Đạt Ma bảo: "Ta an tâm cho ngươi rồi". Ngay đây Ngài Huệ Khả biết được lỗi vào. (Sử 33 vị Tổ, tr. 163)

Thiền Sư Đức Sơn (780-865) dạy chúng: "Các ông chớ cuồng, khuyên các ông không gì hơn Thôi Hết đi, Vô Sự đi. Tâm vừa khởi một niệm tức là quyền thuộc nhà ma, là kẻ tục phá giới" (Trung Hoa Chư Thiền Đức II, 138). Cụ thể hóa lỗi tu này bằng hình ảnh "Mười Mực Chấn Trâu Thiền Tông" (Thập Mực Ngưu Đồ Thiền Tông).

Thiền Nguyên Thủy lấy Giới Định Huệ làm căn bản. Thiếu giới thì không định, không định thì chẳng phát huệ. Chúng ta đọc đoạn này trong kinh Sa Môn Quả (Trường Bộ I, 71):

"Vị ấy, với giới uẩn cao quý này, với sự hộ trì các căn cao quý này, với chánh niệm tự giác cao quý này, với hạnh biết đủ cao quý này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt"... Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị Tỳ Kheo dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là Khổ"; biết như thật: "Đây là nguyên nhân khổ"; biết như thật: "Đây là sự diệt khổ"; biết như thật: "Đây là con đường đưa đến diệt khổ", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc"; biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc"; biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc". Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa" (Trường Bộ I. 82-83).

Đọc hai đoạn trên, chúng ta thấy từ Giới luật đầy đủ mới tu Thiền Định, từ Thiền Định đầy đủ mới phát Trí huệ sáng suốt thấy đúng như thật cội nguồn sanh tử và xuất ly sanh tử.

Thiền Tông và Thiền Nguyên Thủy đều gặp nhau ở chỗ khai thác Trí Vô Sư. Giáo lý nhà Phật chia hai thứ trí: Trí Hữu Sư và Trí Vô Sư. Trí Hữu Sư do học hỏi mà được, là sản phẩm của người khác truyền sang. Trí Vô Sư sẵn có nơi mình, chỉ khi nào mọi tâm lự đình chỉ thì tự phát hiện. Nếu con người tự mãn với Trí Hữu Sư mai kia chúng ta sẽ không thông minh bằng người máy. Vì khoa học ngày nay đã bắt chước tế bào não con người, chế biến các vi điện tử cũng có khả năng ghi nhớ những dữ kiện như não bộ con người. Nếu người ta phát vào não bộ người máy thật nhiều dữ kiện, nó sẽ biết nhiều, nhớ nhiều hơn chúng ta. Bao nhiêu kiến thức chúng ta thu thập được đều thuộc bên ngoài đưa vào, không phải là sự phát minh của Trí Vô Sư của chúng ta.

Thiền Tông bắt buộc thiền giả phải phát minh Trí Vô Sư, mọi kiến thức tiếp thu được bên ngoài đều thuộc vô thường, thuộc người khác, không phải chính mình. Qua câu chuyện đối đáp của hai Thiền Sư Nham Đầu Toàn Khoát (826-887) và Tuyết Nghĩa Phong Tồn (822-908) thấy rõ điều này.

- Tuyết Phong nói: "Tôi thật còn chưa ổn".

- Nham Đầu bảo: "Nếu ông thật như thế cứ chỗ thấy của ông mỗi mỗi thông qua, chỗ phải tôi sẽ chứng minh cho ông, chỗ không phải tôi sẽ vì ông đuổi dẹp".

- Tuyết Phong: "Khi tôi mới đến Diêm Quan thấy thượng đường nói nghĩa sắc không liền được chỗ vào".

- Nham Đầu: "Từ đây đến ba mươi năm rất kỹ không nên nói đến".

- Tuyết Phong: "Tôi thấy bài kệ của Động Sơn qua sông: Thiết kỵ từng tha mịch, điều điều dữ ngã sơ, cừ kim chánh thị ngã, ngã kim bất thị cừ".

- Nham Đầu: "Nếu cùng ấy tự cứu cũng chưa tột".

- Tuyết Phong, sau, hỏi Đức Sơn: Việc trong tông thừa từ trước con có phân chẳng?

- Đức Sơn đánh một gậy hỏi: Nói cái gì? Tôi khi đó giống như thùng lũng đáy.

- Nham Đầu nạt: Ông chẳng nghe nói: "Từ cửa vào chẳng phải của báu trong nhà?"

- Tuyết Phong: Về sau làm thế nào mới phải?

- Nham Đầu: Về sau, nếu muốn xiển dương Đại Giáo, mỗi mỗi từ trong hông ngực mình lưu xuất, sau này cùng ta che trời che đất đi!

Tuyết Phong nhơn câu ấy đại ngộ liền đánh lễ, đứng dậy kêu luôn: Sư huynh! Ngày nay mới là thành đạo ở Ngao Sơn (Trung Hoa Chư Thiên Đức II. 203)

Thiền Nguyên Thủy cũng do mọi tâm niệm đều lạng sạch mới phát sanh trí tuệ. Trí tuệ này do định phát sanh nên thuộc Trí Vô Sư. Chúng ta nghe một đoạn Phật kể lại sự tu chứng của Ngài: "... Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh... với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ xử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Túc Mạng Minh. Ta nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời..." (Trung Bộ I. 247).

Sau khi được xả niệm thanh tịnh, hướng tâm về quá khứ thì thấy rõ nhiều đời của quá khứ... Trí tuệ thấy rõ này không phải do suy xét mà được. Chỉ nhờ xả niệm thanh tịnh, nên thuộc Trí vô Sư.

C. GẶP NHAU TRÊN LỘ TRÌNH TU TẬP

Thiền Tông nghiên cứu công án hay đề khởi thoại đầu cốt phải đến chỗ niệm mật, cho đến cô đọng thành một khối gọi là nghi tình. Khi nghi tình tan vỡ là thành tựu đáp án, cũng có nghĩa là ngộ đạo. Nếu dùng "Thấy vọng không theo" (phản quan tự kỷ) cũng phải hằng tỉnh hằng giác cho đến khi nào vọng niệm lặn hết thì kiến tánh ngộ đạo. Thiền sư Triệu Châu Tùng Thâm (778-897) nói: "Một tâm chẳng sanh muôn pháp không lỗi. Ông cứ nghiên cứu lý này, ngồi quán sát hai ba mươi năm, nếu chẳng hội, chặt đầu lão tăng đi. Nhọc nhằn nắm bắt mộng huyễn không hoa, tâm nếu chẳng khác thì muôn pháp nhất như". (Trung Hoa Chư Thiên Đức I. 397)

Thiền Nguyên Thủy quán Tứ Niệm Xứ phải chuyên tâm cột niệm trong bốn Pháp sẽ được kết quả. Chúng ta nghe Phật dạy trong bài kinh Tứ Niệm Xứ:

"Này các Tỳ Kheo, đây là con đường độc nhất, đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết Bàn. Đó là Bốn Niệm Xứ".

"Thế nào là bốn? Này các Tỳ Kheo, ở đây vị Tỳ Kheo sống quán thân trên thân, tinh cần, tinh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán thọ trên các thọ, tinh cần tinh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán tâm trên tâm, tinh cần tinh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán pháp trên các pháp, tinh cần tinh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời ." (Trung Bộ I. 56 -57).

Cũng kinh Tứ Niệm Xứ Phật nói kết quả của Tỳ Kheo nào tinh cần như sau:

"Này các Tỳ Kheo, vị nào tu tập Bốn Niệm Xứ này như vậy trong bảy năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, chứng quả Bất Hoàn.

Này các Tỳ Kheo không cần gì bảy năm, một vị Tỳ Kheo tu Bốn Niệm Xứ này như vậy trong sáu năm, trong năm năm, trong bốn năm, trong ba năm, trong hai năm, trong một năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, chứng quả Bất Hoàn.

Này các Tỳ Kheo không cần gì một năm, một vị nào tu tập Bốn Niệm Xứ này trong bảy tháng, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, chứng quả Bất Hoàn.

Này các Tỳ Kheo, đây là con đường độc nhất, đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết Bàn. Đó là Bốn Niệm Xứ". (Trung Bộ I. 62A)

Tuy phương pháp ứng dụng tu có khác, song đều phải nhiệt tâm tinh cần, kết quả sẽ đến không nghi. Thiên Tông nhìn thẳng tâm niệm mình, Thiên Nguyên Thủy tựa vào Tứ Niệm Xứ, dụng công tu cũng phải thiết tha thành khẩn như nhau, kết quả tâm niệm lặng hết sẽ ngộ đạo hay chứng Niết Bàn.

D. THIÊN TÔNG GẶP GIÁO LÝ NGUYÊN THỦY.

Thiền Tông tu bằng cách xoay sáu căn trở về tự tánh của nó (Hồi quang phản chiếu). Bằng chứng khi Lục Tổ Huệ Năng (638-713 T.L) nghe Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang, đến câu: "Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm". Chẳng nên dính sắc sanh tâm, chẳng nên dính thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, nên không chỗ dính mà sanh tâm kia: Tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lục Tổ phát ngộ la lên: "Đâu ngờ tánh mình xưa nay thanh tịnh ! Đâu ngờ tánh mình vốn tự đầy đủ...". (Kinh Pháp Bảo Đàn, Phẩm Hành Do). Sáu căn không dính mắc với sáu trần là nguyên nhân đưa đến giác ngộ. Chính Trúc Lâm Đ?u Đà (Trần Nhân Tông) định nghĩa Thiền Tông một cách đơn giản và cụ thể. Trong bài kệ Hán văn kết thúc bài phú "Cư Trần Lạc Đạo " câu chót "Đối cảnh vô tâm mặc vấn thiên" . Đối cảnh không tâm là sáu căn tiếp đối sáu trần mà không dấy niệm chạy theo, Thiền là ngay nơi đó.

Các kinh Nguyên Thủy, Phật thường dạy sáu căn tiếp xúc sáu trần phải biết như thật tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly khỏi sáu căn. Nếu biết như thật rồi thì đâu còn chạy theo sáu trần, cũng là nguyên nhân chứng A La Hán hay Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Như bài kinh Phật dạy sau đây:

..." Này các Tỳ Kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhãn căn... ý căn"

" Cho đến khi nào, này các Tỳ kheo, Ta chưa như thật chứng tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly khỏi sáu căn này, cho đến khi ấy, này các Tỳ Kheo. Ta không có biết rõ về sự chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối các thế giới, Ma giới, Phạm Thiên giới, với các chúng Sa môn, Bà La Môn, Chư Thiên và loài người. Cho đến khi nào, này các Tỳ Kheo, Ta như thật chứng tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly khỏi sáu căn này, cho đến khi ấy này các Tỳ Kheo. Ta mới nhận biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với các thế giới, như Thiên giới, Ma giới, Phạm Thiên giới, với các chúng Sa môn, Bà La Môn, Chư Thiên và loài người." (Tương Ưng Bộ V. 218-219)

Thiền Tông phản quan nội tâm, không theo vọng tưởng, không có pháp môn để tu. Mã Tổ Đạo Nhất (709-788) dạy chúng: "Các ông mỗi người tin tâm mình là Phật, tâm này tức là tâm Phật. Tổ Đạt Ma từ Nam Ấn sang Trung Hoa truyền pháp thượng thừa nhất tâm, khiến các ông khai ngộ. Tổ lại dẫn kinh Lăng Già để ẩn tâm địa chúng sanh. Sợ e các người điên đảo không tự tin pháp tâm này mỗi người tự có, nên kinh Lăng Già nói "Phật nói tâm là chủ, cửa không là cửa pháp" - Phật ngữ: tâm vi tông, vô môn vi pháp môn" (Trung Hoa Chư Thiền Đức I. 90). Thiền Sư Vô Nghiệp (760-821) đáp những câu hỏi của các Thiền khách, sư thường sử dụng câu: "Chớ vọng tưởng". Sư dạy chúng: "Chư Phật chưa từng ra đời, cũng không có một pháp dạy người, chỉ tùy bệnh cho thuốc nên có 12 phần giáo, như lấy chuỗi ngọc nhét thuốc đắng vào, cốt gột sạch gốc nghiệp cho các ông (Trung Hoa Chư Thiền Đức I. 237)". Đức Sơn Tuyên Giám (780-865) nói: "Tông ta không ngữ cú, thật không một pháp cho người".

Giáo lý Nguyên Thủy cũng có bài kinh "Có pháp môn nào?" tương tự Thiền Tông:

"Có pháp môn nào, do pháp môn ấy, Tỷ Kheo, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về phương pháp (akàraparitakka), ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận (ditthini khànakhanti), có thể xác chứng chánh trí. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành. Những gì nên làm đã làm. Không còn trở lui trạng thái này nữa"?"

- "Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, pháp lấy Thế Tôn làm căn bản... "

"Có một pháp môn, này các Tỷ kheo, do pháp môn ấy, Tỷ kheo ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận, có thể xác chứng chánh trí. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận... trạng thái này nữa" ?"

- "Pháp môn ấy là gì, do pháp môn ấy... không còn trở lui trạng thái này nữa".

"Ở đây này các Tỷ Kheo. Tỷ kheo mắt thấy sắc, biết rõ rằng: "Nội tâm ta không có tham, sân si". Nội tâm có tham, sân, si biết rõ rằng: "Nội tâm ta có tham, sân, si"; hoặc biết rõ nội tâm không có tham, sân, si: "Nội tâm ta không có tham,

sân, si". Nay các Tỷ kheo khi mắt thấy sắc, hoặc nội tâm có tham sân si biết rõ: "Nội tâm ta có tham sân si"; nội tâm không có tham sân si biết rõ: "Nội tâm ta không có tham, sân, si". Nay các Tỷ Kheo biết rõ chúng có mặt hay không có mặt trong tâm vị ấy, có phải chúng là những pháp do lòng tin được hiểu biết, hay do ưa thích được hiểu biết, hay do lắng nghe được hiểu biết, hay do suy tư về phương pháp được hiểu biết, hay do kham nhẫn, thích thú về biện luận được hiểu biết? "

- "Thưa không, bạch Thế Tôn " .

" Có phải pháp này, do thấy chúng với trí tuệ, nên được hiểu biết? "

- " Thưa phải, Bạch Thế Tôn.

"Đây là pháp môn, này các Tỷ Kheo, do pháp môn này, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về phương pháp, ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận, có thể xác chứng với chánh trí. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận.....không còn trở lui trạng thái này nữa"... (Tương ưng bộ IV. 146-147)

Qua bài kinh này, chúng ta thấy cụ thể có lỗi tu không dựa vào pháp môn. Chỉ phản quan lại tâm mình thấy đúng như thật, có tham sân si hay không tham sân si. Chủ yếu là đến không tham sân si. Tham sân si, Thiền Tông gọi là vọng tưởng, không tham sân si là hết vọng tưởng. Thế là hai bên gặp nhau ở chỗ "Phản quan tự kỷ" và kết cuộc đều đến chỗ giải thoát sanh tử. Chính quán sát nội tâm là trí tuệ, nhờ trí tuệ không bị phiền não dẫn, từ từ chúng lặng sạch.

E. CHỖ CỨU CÁNH GẶP NHAU

Thiền Nguyên Thủy tu qua tứ Thiền đến giác ngộ tứ đế là giải thoát sanh tử. Thiền Tông khi ngộ được Phật Tánh sạch hết mọi tập khí vọng tưởng cũng giải thoát sanh tử. Đây là chỗ cứu cánh hai bên gặp nhau. Chỉ khác nhau chỗ, Thiền Tông nói Phật Tánh, Pháp Thân, Bản Lai Diện Mục... còn Thiền Nguyên Thủy chỉ nói giải thoát không còn tái sanh đời sau. Tuy nhiên vẫn có bài kinh trong hệ Nguyên Thủy nói rõ có cái để giải thoát (Duk. 11.6) (It.37):

"Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A La Hán nói đến, và tôi đã được nghe.

"Này các Tỷ Kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra (asankhatam). Này các Tỷ Kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, thời ở đây không thể trình bày được sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra. Đó vì, này các Tỷ Kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, nên có thể trình bày được sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra. Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến" (Tiểu Bộ I. 442 - 443).

Bao nhiêu cũng đủ minh chứng hệ Nguyên Thủy có cái để giải thoát khỏi sanh tử, mặc dù không nói tên ra. Như vậy Thiền Tông và Thiền Nguyên Thủy chỗ cứu cánh là gặp nhau. Chỉ có một điều, Thiền Tông đến chỗ giải thoát rồi không chịu an trụ nơi đó mà vẫn lưu nguyện lăn lộn độ sanh. Như trong "Mười mục chặn trâu", mục thứ chín là nhập Phật giới: Lá rụng về cội, mục thứ mười là vào Ma giới: Buông thông tay vào chợ.

Để kết thúc bài này, chúng tôi nhận thấy từ mục đích ban đầu Thiền Tông và Thiền Nguyên Thủy đã gặp nhau, cho đến cứu cánh hai bên cũng gặp nhau. Chỉ có phương tiện hai bên có khác nhau. Trên lộ trình tu hành có gặp nhau cũng có khác nhau. Tuy nhiên trọng tâm hành đạo mục đích và cứu cánh gặp nhau, là chung một mục tiêu, chung một lý tưởng rồi. Phương tiện sai biệt, chỉ vì trình độ khác nhau thôi. Với thời gian ngắn ngủi, chúng tôi không đủ thì giờ nghiên cứu chín chắn, có nhiều điều sai sót không thể tránh được, mong quý vị chỉ bảo cho.

